

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 5 năm 2024
V/v "tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phạm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Lan P, sinh năm 1999,

ĐKKHKT: xóm Ngay, xã M, huyện L, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh Vũ Tuấn A, sinh năm 1994,

ĐKKHKT: khu 9, xã L, huyện T, tỉnh P.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Vũ Quang N, sinh năm 1967;

Bà Phạm Thị L, sinh 1969;

ĐKKHKT: khu 9, xã L, huyện T, tỉnh P.

(Chị P, ông N, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Tuấn A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Chị Bùi Thị Lan P trình bày: chị P và anh Vũ Tuấn A tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 28/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Tứ Mỹ (nay là xã Lam Sơn), huyện Tam Nông,

tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Năm 2022, anh Tuấn A đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, từ đó đến nay giữa vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Tuấn A.

Về con chung: Chị Bùi Thị Lan P xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Gia B, sinh ngày 08/9/2018. Khi ly hôn chị P đề nghị Tòa án giao cháu B cho anh Tuấn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chị P sẽ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Hiện nay anh Tuấn A đang ở nước ngoài, chị P đề nghị Tòa án tạm giao cháu B cho ông Vũ Quang N, bà Phạm Thị L (bố mẹ đẻ anh Tuấn A) chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B trong thời gian anh Tuấn A ở nước ngoài cho đến khi anh Tuấn A trở về Việt Nam.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Chị Bùi Thị Lan P xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Chị Bùi Thị Lan P tự nguyện xin chịu toàn bộ.

Chị Bùi Thị Lan P đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

- *Bị đơn anh Vũ Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã trình bày quan điểm tại Bản tự khai đề ngày 27/11/2023; cụ thể:*

Về quan hệ hôn nhân: anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị P. Anh đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh và chị P.

Về con chung: anh Tuấn A xác định vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Gia B, sinh ngày 08/9/2018. Anh Tuấn A nhất trí với yêu cầu về con chung của chị P. Anh đề nghị Tòa án giao cháu B cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Hiện nay anh Tuấn A đang ở nước ngoài nên anh ủy quyền cho ông Vũ Quang N, bà Phạm Thị L (bố mẹ đẻ anh Tuấn A) chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B trong thời gian anh ở nước ngoài.

Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: anh Tuấn A xác định không có, không đề nghị giải quyết.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Quang N, bà Phạm Thị L trình bày: ông bà là bố mẹ đẻ của anh Vũ Tuấn A. Ông bà có biết việc chị P, anh Tuấn A đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Ông bà có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị P, anh Tuấn A theo quy định của pháp luật. Về con chung ông bà nhất trí với thỏa thuận của chị P và anh Tuấn A. Hiện nay anh Tuấn A đang ở nước ngoài, còn cháu B thì đang được ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông N, bà L đồng ý nhận ủy quyền của anh Tuấn A về việc thay mặt anh Tuấn A chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B trong thời gian anh Tuấn*

A ở nước ngoài. Ông N, bà L cam đoan sẽ tạo mọi điều kiện để cháu B được phát triển tốt nhất và sẽ bàn giao cháu B lại cho anh Tuấn A khi nào anh trở về Việt Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Lan P. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Lan P và anh Vũ Tuấn A. Về con chung: giao cháu Vũ Gia B, sinh ngày 08/9/2018 cho anh Vũ Tuấn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung thành niên. Trong thời gian anh Tuấn A ở nước ngoài tạm giao cháu B cho ông Vũ Quang N, bà Phạm Thị L (bố mẹ đẻ anh Tuấn A) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Tuấn A trở về Việt Nam. Về tài sản, công nợ chung: không đặt ra xem xét. Về án phí ly hôn và các chi phí tố tụng khác: chị Bùi Thị Lan P phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Bùi Thị Lan P nộp đơn xin được ly hôn với anh Vũ Tuấn A tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Chị P trình bày hiện nay anh Tuấn A đang ở nước ngoài. Tại văn bản số 27759/QLXNC-P3 ngày 23/10/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an đã cung cấp thông tin: “*Vũ Tuấn A, sinh ngày 23/4/1994, đã xuất cảnh ngày 15/9/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.*” Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Trong vụ án này anh Tuấn A không có mặt ở Việt Nam. Chị P đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị P, ông N, bà L đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Lan P và anh Vũ Tuấn A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 28/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Tứ Mỹ (nay là xã Lam Sơn), huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng anh chị luôn hòa thuận, yêu thương nhau. Năm 2022 anh Tuấn A đi nước ngoài, từ đó đến nay giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Tuấn A.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Tuấn A có gửi văn bản trình bày quan điểm đối với nội dung khởi kiện của chị P. Theo đơn đề nghị Tòa án tiến hành trưng cầu giám định của chị P đối với Bản tự khai của anh Tuấn A gửi từ nước ngoài về Việt Nam. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ tiến hành giám định đối với chữ ký và chữ viết của anh Tuấn A trong văn bản trên. Tại Kết luận giám định số 396/KLGĐ-KTHS ngày 25/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ đã kết luận như sau: *“Chữ ký dạng chữ viết “Anh” và chữ viết đứng tên Vũ Tuấn A trên “Bản tự khai” ngày 27/11/2023 (mẫu cần giám định ký hiệu A) so với chữ ký “Anh”, các chữ “Vũ Tuấn A” dưới mục: “Chồng” trên “Giấy chứng nhận kết hôn” ngày 28/3/2018 (mẫu so sánh ký hiệu M1) và chữ ký dạng chữ viết “Anh” và chữ viết trên “Giấy ủy quyền” ngày 27/11/2023 (mẫu so sánh ký hiệu M2) là do cùng một người ký và viết ra”*.

Tại bản tự khai anh Tuấn A trình bày: anh hoàn toàn nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị P, anh Tuấn A đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh và chị P. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định rằng việc anh Vũ Tuấn A thuận tình ly hôn với chị Bùi Thị Lan P là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình Tòa án cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị P, anh Tuấn A.

- Về con chung: chị P và anh Tuấn A đều xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Gia B, sinh ngày 08/9/2018. Sau khi ly hôn anh Tuấn A và chị P thống nhất thỏa thuận giao cháu B cho anh Tuấn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung thành niên. Hiện nay anh Tuấn A đang ở nước ngoài nên anh Tuấn A và chị P đề nghị Tòa án tạm giao cháu B cho ông Vũ Quang N, bà Phạm Thị L (bố mẹ đẻ anh Tuấn A) chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B trong thời gian anh Tuấn A ở nước ngoài cho đến khi anh Tuấn A trở về Việt Nam.

Xét thấy: chị P và anh Tuấn đều đã thỏa thuận được về vấn đề con chung. Ông N, bà L cũng hoàn toàn nhất trí nhận ủy quyền từ anh Tuấn A về việc thay mặt anh Tuấn A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B trong thời gian anh Tuấn A ở nước ngoài. Do vậy, cần giao cháu B cho anh Tuấn A chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi chị P và anh Tuấn A ly hôn. Trong thời gian anh Tuấn A ở nước ngoài thì ông N, bà L vẫn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B đến khi anh Tuấn A trở về Việt Nam là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung thành niên. P thức cấp dưỡng định kỳ theo tháng.

- Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị Bùi Thị Lan P xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Chị Bùi Thị Lan P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Lan P.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Lan P và anh Vũ Tuấn A.

[2] Về con chung: Giao cháu Vũ Gia B, sinh ngày 08/9/2018 cho anh Vũ Tuấn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên.

Trong thời gian anh Tuấn A ở nước ngoài, ông Vũ Quang N và bà Phạm Thị L có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B đến khi anh Tuấn A về nước sẽ bàn giao lại cháu B cho anh Tuấn A nuôi dưỡng.

Chị Bùi Thị Lan P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung thành niên. P thức cấp dưỡng định kỳ theo tháng.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

- Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị Lan P phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị Bùi Thị Lan P đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000037 ngày 31/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

- Chi phí giám định: Chị Bùi Thị Lan P tự nguyện chịu 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền chi phí giám định. Xác nhận chị P đã nộp đủ số tiền trên.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Chị Bùi Thị Lan P, ông Vũ Quang N, bà Phạm Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của anh Vũ Tuấn A là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Viết Anh